

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 399/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2020
V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ **Bà Nguyễn Thị Mai**
2/ **Bà Đỗ Thị Thúy Hằng.**

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thu Thảo.**

Cán bộ Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 272/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 28A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2020. Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Chị H -** Sinh năm 1990.

HKTT: Thôn Ngọc Lôi, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Thôn Đình Tràng, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Tự do.

Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bi đơn: Anh D -** Sinh năm 1986.

HKTT và nơi ở: Thôn Ngọc Lôi, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Tự do.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung tại Tòa án, chị H - nguyên đơn trình bày:***

- Về tình cảm: Chị và anh D đăng ký kết hôn ngày 09/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại thôn Ngọc Lôi.

Quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D thường hay đi bia rượu về chửi và đánh vợ, vợ chồng đã sống ly thân được 3 tháng. Vợ chồng trong cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc, chị xin được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là N, sinh ngày 03/02/2008, A, sinh ngày 25/3/2011 và L sinh ngày 09/6/2015. Hiện nay các con chung đều có sức khỏe bình thường và đang sống cùng với bố. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con gái là N và Trương Thị Ngọc Hân, anh D nuôi một con trai là L. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm nghề mộc, thu nhập bình quân 9.000.000 đồng/tháng. Trường hợp anh D có nguyện vọng được nuôi cả 3 con chung thì chị cũng đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 22/6/2020 và các lời khai bổ sung tại Tòa án, anh D – bị đơn trình bày:***

- Về tình cảm: Về thời gian và điều kiện kết hôn của anh chị đúng như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế. Từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi nhau và chị H đã bỏ nhà đi từ ngày 11/4/2020 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đúng như chị H đã trình bày. Hiện nay các cháu đều có sức khỏe tốt và đang sống cùng với anh. Kể từ khi chị H bỏ nhà đi, không hỏi han, quan tâm gì đến các con, nên anh không đồng ý để chị H nuôi con. Trong trường hợp phải ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả 3 con chung, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm nghề thợ mộc, thu nhập một tháng được khoảng 12 triệu đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

+ Chị H trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh D vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc,

mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung như chị đã trình bày. Hiện nay các con chung đều có sức khỏe bình thường và đang sống cùng với anh D. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con gái là N và A, anh D nuôi một con trai là L. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm nghề mộc, thu nhập bình quân 9.000.000 - 10.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Anh D vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến :

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định. Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh D.

Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, sinh ngày 03/02/2008 và cháu A, sinh ngày 25/3/2011, giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, sinh ngày 09/6/2015. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Chị H và anh D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 09/3/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị H có đơn xin ly hôn với anh D, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[2] Về tố tụng:

Anh D đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa anh D vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy Hội đồng tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị H và anh D chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vấn đề về kinh tế, anh D thường hay uống rượu say về đánh đập chửi bới vợ con, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau. Anh D cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và chị H đã bỏ về nhà ngoại sống từ tháng 3/2020, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh D không đồng ý ly hôn, nhưng quá trình vợ chồng sống ly thân anh D cũng không có biện pháp gì cải thiện mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, mỗi người vẫn sống một nơi, không ai còn quan tâm đến ai.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương thì từ sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị chủ yếu do tính cách không phù hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, ngoài ra anh D còn thường xuyên uống rượu say về nhà chửi bới vợ con. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh chị đã sống ly thân được vài tháng nay. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Nay chị H xin ly hôn với anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh D là có thực, anh chị không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc chị H xin ly hôn với anh D là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị H, anh D có 03 con chung là N, sinh ngày 03/02/2008, A, sinh ngày 25/3/2011 và L sinh ngày 09/6/2015. Hiện nay các con chung đều có sức khỏe bình thường và đang sống cùng với bố.

Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi hai con gái là N và A, anh D nuôi một con trai là L. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị H đang làm nghề mộc, thu nhập bình quân 9.000.000 đồng/tháng.

Sau khi ly hôn anh D có nguyện vọng được nuôi cả 3 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh D đang làm nghề mộc, thu nhập bình quân 12.000.000 đồng/tháng.

Xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung: Theo anh chị trình bày thì chị H và anh D hiện nay đều làm nghề mộc, anh D thu nhập được khoảng 12.000.000 đồng một tháng, chị H thu nhập được khoảng 9.000.000 - 10.000.000

đồng một tháng. Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã Dục Tú thì mức thu nhập bình quân được khoảng 200.000đồng/1 người/1ngày.

Cháu N và A đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy cả chị H và anh D đều có công việc làm và thu nhập ổn định, các cháu N và A đều là con gái đang ở độ tuổi phát triển về tâm sinh lý nên rất cần sự chăm sóc dạy dỗ của người mẹ. Vì vậy để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng và sự ổn định trong cuộc sống, học tập của các cháu cũng như đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý của các cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu N và cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là có đủ căn cứ, phù hợp qui định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh D đều không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị H, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H.

Chị H được ly hôn anh D.

2. Về con chung: Xác nhận Chị H và anh D có 03 con chung là N, sinh ngày 03/02/2008, A, sinh ngày 25/3/2011 và L sinh ngày 09/6/2015. Giao 02 con chung

là N và A cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao 01 con chung là L cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2020 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Hai bên không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị H và anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2018/0016255 ngày 02/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Chị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS Đông Anh;
- THA Đông Anh;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã Dục Tú, H.Đông Anh;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Huyền